



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246

Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 8/9/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A17

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1		8,5	tán, năn	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1		7	bảy	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1		9	chín	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1		9	chín	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1		9	chín	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1		8,5	tán, năn	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1		7	bảy	
8	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1		9	chín	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1		6,5	sáu, năn	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1		8,5	tán, năn	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1		7	bảy	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1		9	chín	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1		9	chín	
14	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	C26LG1		8,5	tán, năn	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1		8,5	tán, năn	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1		8,5	tán, năn	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1		9,5	chín, lăm	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1		8,5	tán, năn	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1		9	chín	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1		8,8	tán, tám	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1		7	bảy	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1		9	chín	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1		7	bảy	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 1 Số bài thi: 23 / 23

Ngày 2 tháng 10 năm 2025

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Lương Nguyễn Hoài Linh

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246

Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 15/1/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1		8	8	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1		7	7	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1		9	9	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1		7	7	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1		8,5	8,5	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1		8	8	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1		8	8	
8	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1		7	7	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1		8	8	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1		7	7	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1		6	6	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1		8	8	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1		9	9	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1		7	7	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1		8	8	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1		7,5	7,5	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1		8	8	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1		8	8	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1		9	9	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1		8,5	8,5	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1		7,5	7,5	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1		8	8	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1		6,5	6,5	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 1 Số bài thi: 23

Ngày 02 tháng 01 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 01 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246
 Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2
 Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)
 Ngày thi: 8/9/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
 Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
 Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
 Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		7	bảy	
2	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		9	chín	
3	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		6,5	sáu rưỡi	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		8,8	tám rưỡi	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		9	chín	
6	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		6,5	sáu rưỡi	
7	2410150038	Nguyễn Thành Lương	06/03/2006	C26LG2		6,5	sáu rưỡi	
8	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6,5	sáu rưỡi	
9	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
10	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		7	bảy	
11	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		9	chín	
12	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2				
13	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		7	bảy	
14	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		9	chín	
15	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		9	chín	
16	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		8,5	tám rưỡi	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 14 vắng thi: 2. Số bài thi: 14 / 14.

Ngày 8 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 8 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246

Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 15/11/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A17

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		7,5	bảy, năm	
2	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		8,5	tám, năm	
3	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		8	tám	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		7,5	bảy, năm	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		8	tám	
6	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		7,5	bảy, năm	
7	2410150038	Nguyễn Thành Luân	06/03/2006	C26LG2		7,5	bảy, năm	
8	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		7,5	bảy, năm	
9	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
10	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		7	bảy	
11	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		8,5	tám, năm	
12	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2				
13	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		6	sáu	
14	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		8,5	tám, năm	
15	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		8,5	tám, năm	
16	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		8,5	tám, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 14 vắng thi: 2 . Số bài thi: 14 / 14 .

Ngày 12 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 12 tháng 11 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246

Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 8/9/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A17

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1		9,5	chín, năm	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	Đoan	11/05/2006	C26TM1	Đoan	9	chín
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	Hân	17/07/2006	C26TM1		9	chín
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	Hoa	18/03/2006	C26TM1		9	chín
5	2410160011	Phạm Văn	Hoàng	17/05/2000	C26TM1		9,8	chín, tám
6	2410160012	Nguyễn Minh	Huy	07/09/2006	C26TM1		7	bảy
7	2410160004	Phan Nhật	Huy	10/7/2004	C26TM1		10	mười
8	2410160022	Lê Ngọc	Huỳnh	30/01/2006	C26TM1		9	chín
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/05/2006	C26TM1		7	bảy
10	2410160027	Nguyễn Đăng	Khôi	27/08/2006	C26TM1		7	bảy
11	2410160016	Đào Thị Ngọc	Loan	28/12/2006	C26TM1		8	tám
12	2410160019	Dương Hiếu	Ly	04/04/2000	C26TM1		8,3	tám, ba
13	2410160015	Phạm Trần Thảo	My	16/02/2006	C26TM1		9	chín
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái	Nghi	20/02/2006	C26TM1		9,8	chín, tám
15	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	C26TM1		7,5	bảy, năm
16	2410160003	Tống Đức	Phát	25/11/2002	C26TM1		10	mười
17	2410160001	Trần Lâm	Phát	11/11/2005	C26TM1		9	chín
18	2410160005	Trần Huỳnh	Phong	26/10/2005	C26TM1		8,5	tám, năm
19	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	Quỳnh	30/11/2006	C26TM1		9,5	chín, năm
20	2410160023	Nguyễn Như	Quỳnh	11/11/2006	C26TM1		7,8	bảy, tám
21	2410100014	Nguyễn Lê Băng	Tâm	20/04/2006	C26TM1		9	chín
22	2410160007	Lâm Trung	Thành	10/07/1994	C26TM1		9,8	chín, tám
23	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	Thi	06/11/2006	C26TM1		9	chín
24	2410160014	Trương Thảo	Vy	26/04/2006	C26TM1		9	chín
25	2410160025	Nguyễn Trần Hải	Yến	25/02/2006	C26TM1		9	chín

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày: 2 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày: 1 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lý Ng Hoa Linh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 15/1/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A17

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1	<i>AR</i>	9,5	chín, năm	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoàn	11/05/2006	C26TM1	<i>Đoàn</i>	7	bảy	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006	C26TM1	<i>h</i>	7,5	bảy, năm	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006	C26TM1	<i>hoa</i>	6,5	sáu, năm	
5	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000	C26TM1	<i>Hoàng</i>	9	chín	
6	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006	C26TM1	<i>Huy</i>	5,5	năm, năm	
7	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004	C26TM1	<i>Huy</i>	8,5	tám, năm	
8	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006	C26TM1	<i>huỳnh</i>	8,5	tám, năm	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006	C26TM1	<i>quỳnh</i>	7	bảy	
10	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006	C26TM1	<i>khôi</i>	7	bảy	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006	C26TM1	<i>loan</i>	7	bảy	
12	2410160019	Đương Hiếu Ly	04/04/2000	C26TM1	<i>hiếu</i>	7,5	bảy, năm	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006	C26TM1	<i>thảo</i>	7	bảy	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006	C26TM1	<i>nguyễn</i>	9	chín	
15	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006	C26TM1	<i>hồng</i>	7	bảy	
16	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002	C26TM1	<i>phát</i>	8	tám	
17	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005	C26TM1	<i>lâm</i>	6,5	sáu, năm	
18	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005	C26TM1	<i>phong</i>	5,5	năm, năm	
19	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Uyên	30/11/2006	C26TM1	<i>thoại</i>	8,5	tám, năm	
20	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006	C26TM1	<i>quỳnh</i>	8	tám	
21	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006	C26TM1	<i>lê</i>	6,5	sáu, năm	
22	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994	C26TM1	<i>trung</i>	8,5	tám, năm	
23	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006	C26TM1	<i>thi</i>	8,5	tám, năm	
24	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006	C26TM1	<i>thảo</i>	8	tám	
25	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006	C26TM1	<i>hải</i>	6	sáu	

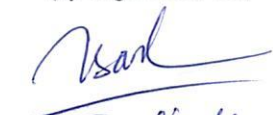
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 0 . Số bài thi: 15 / 25 .

Ngày. 02 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

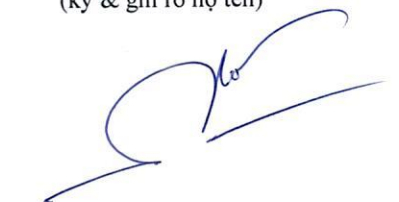
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày. 02 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thị Hoa



QUẢN TRỊ ĐO ANH NGHIỆP
TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THỬ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246

Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 8/9/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A17

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005	C26TM2	Bao	8	tám	
2	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	C26TM2	B	6.5	sáu, năm	
3	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	C26TM2	Dat	9.5	chín, năm	
4	2410160051	Võ Tấn Hào	26/09/2005	C26TM2				
5	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	C26TM2	Hoang	7	bảy	
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	C26TM2	Le	8	tám	
7	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	C26TM2	Huy	9.8	chín, tám	
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	C26TM2	Khoa	9.5	chín, năm	
9	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	C26TM2	Lam	8.8	tám, tám	
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	C26TM2	Nhu	9	chín	
11	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	C26TM2	Thao	8	tám	
12	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	C26TM2	Thong	9	chín	
13	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	C26TM2	Thu	8	tám	
14	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	C26TM2	Thy	8	tám	
15	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	C26TM2	Trinh	8	tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 14 vắng thi: 1 Số bài thi: 14 / 14

Ngày 2 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 1 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Ng. Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246

Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 15/10/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	04/02/2005	C26TM2		7	bảy	
2	2410160053	Trần Gia	Bảo	03/01/2006	C26TM2		7	bảy	
3	2410160029	Dương Tiến	Đạt	27/04/2006	C26TM2		9	chín	
4	2410160051	Võ Tấn	Hào	26/09/2005	C26TM2				
5	2410160044	Nguyễn Huy	Hoàng	15/12/2005	C26TM2		5,5	năm, năm	
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ	Hồng	22/11/2004	C26TM2		7,5	bảy, năm	
7	2410160032	Đỗ Nhật	Huy	06/04/2005	C26TM2		8	tám	
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	15/07/2004	C26TM2		7,5	bảy, năm	
9	2410160052	Nguyễn Thành	Lâm	25/08/2003	C26TM2		7	bảy	
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	03/12/2006	C26TM2		8	tám	
11	2410160031	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	16/06/2006	C26TM2		9	chín	
12	2410160034	Nguyễn Hoàng	Thông	01/02/2006	C26TM2		6	sáu	
13	2410160030	Lê Anh	Thư	19/08/2006	C26TM2		7,5	bảy, năm	
14	2410160033	Trần Thị Cẩm	Thy	01/06/2006	C26TM2		8,5	tám, năm	
15	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều	Trình	13/11/2006	C26TM2		8	tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 14 vắng thi: 1. Số bài thi: 14 / 14.

Ngày: 2...tháng 10 năm... 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày: 1...tháng 10 năm... 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246

Giám thị 1: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

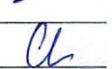
Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: Châu Lê Sơn

Ký tên: 

Ngày thi: 05/11/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____

Ký tên: 

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006		1	7,5	bảy, năm	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006		1	8,5	tám, năm	C26LG2	
3	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006		1	9	chín	C26TM1	
4	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
5	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006		1	9	chín	C26LG1	
6	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006		1	4,5	bốn, năm	C26TM2	
7	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006		1	7	bảy	C26LG1	
8	2410010001A	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004		1	9	chín	C26LG1	
9	2410160029	Dương Tiên Đạt	27/04/2006		1	6,5	sáu, năm	C26TM2	
10	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006		1	5,5	năm, năm	C26LG1	
11	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoan	11/05/2006		1	6,5	sáu, năm	C26TM1	
12	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005		1	9	chín	C26LG1	
13	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006		1	7	bảy	C26LG2	
14	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006		1	5,5	năm, năm	C26TM1	
15	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006		1	7	bảy	C26LG1	
16	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006		1	7,5	bảy, năm	C26TM1	
17	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005		1	4	bốn	C26TM2	
18	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000		1	8	tám	C26TM1	
19	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006		1	4	bốn	C26LG2	
20	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005		1	8,5	tám, năm	C26TM2	
21	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006		1	5,5	năm, năm	C26TM1	
22	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004		1	7,5	bảy, năm	C26TM1	
23	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006		1	8,5	tám, năm	C26TM1	
24	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006		1	5,5	năm, năm	C26TM1	
25	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005		1	4,5	bốn, năm	C26LG2	
26	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006		1	8,5	tám, năm	C26LG2	
27	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006		1	6	sáu	C26LG1	
28	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006		1	7	bảy	C26LG1	
29	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004		1	6,5	sáu, năm	C26TM2	
30	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006		1	6	sáu	C26LG1	
31	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006		01	9,5	chín, năm	C26LG1	
32	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003		1	6	sáu	C26TM2	
33	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006		1	7,5	bảy, năm	C26TM1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410150039	Trần Hoàng Bảo	Luân	18/06/2006	<i>Tran</i>	1	5,5	năm, năm	C26LG2
35	2410150038	Nguyễn Thành	Luông	06/03/2006	<i>Nguyễn</i>	1	4	bán	C26LG2
36	2410160019	Dương Hiểu	Ly	04/04/2000	<i>Dương</i>	1	6,5	sáu, năm	C26TM1
37	2410160015	Phạm Trần Thảo	My	16/02/2006	<i>Phạm</i>	1	5,5	năm, năm	C26TM1
38	2410160002	Nguyễn Gia Ái	Nghi	20/02/2006	<i>Nguyễn</i>	1	9	chín	C26TM1
39	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	<i>Đào</i>	1	6	Sáu	C26TM1
40	2410150036	Võ Thị Như	Ngọc	10/06/2006	<i>Ngọc</i>	1	5,5	năm, năm	C26LG2
41	2410150011	Phạm Thị Yên	Nhi	22/09/2006	<i>Phạm</i>	1	7,5	bảy, năm	C26LG1
42	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	03/12/2006	<i>Nguyễn</i>	1	6	Sáu	C26TM2
43	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	<i>Lê</i>	1	5	năm	C26LG1
44	2410150045	Nguyễn Phan Minh	Nhật	30/08/2006	<i>Nguyễn</i>	1	7	bảy	C26LG2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 44 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 44 / 44 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

Ngày 10 tháng 11 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)
Trần Thị Hoa

GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)
Lê Thị Hoàng Linh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giao tiếp trong kinh doanh - MH1104246

Giám thị 1: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên: Nghĩa

Mã lớp học phần: 25111MH110424601 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: Thu

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 05/11/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Phát	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160003	Tổng Đức	Phát	25/11/2002	<u>Đức</u>	1	8	tám	C26TM1	
2	2410160001	Trần Lâm	Phát	11/11/2005	<u>Lâm</u>	1	6,5	sáu, năm	C26TM1	
3	2410160005	Trần Huỳnh	Phong	26/10/2005	<u>Phong</u>	1	6,5	sáu, năm	C26TM1	
4	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	Quyên	30/11/2006	<u>Quyên</u>	1	8	tám	C26TM1	
5	2410160023	Nguyễn Như	Quỳnh	11/11/2006	<u>Quỳnh</u>	1	8	tám	C26TM1	
6	2410100014	Nguyễn Lê Băng	Tâm	20/04/2006	<u>Băng</u>	1	8,5	tám, năm	C26TM1	
7	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006	<u>Minh</u>	1	6,5	sáu, năm	C26LG1	
8	2410160007	Lâm Trung	Thành	10/07/1994	<u>Trung</u>	1	9,5	chín, năm	C26TM1	
9	2410160031	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	16/06/2006	<u>Thanh</u>	1	9	chín	C26TM2	
10	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006	<u>Ngọc</u>	1	6,5	sáu, năm	C26LG1	
11	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006	<u>Thạch</u>	1	8,5	tám, năm	C26LG1	
12	2410150032	Danh Thị Hồng	Thái	24/07/2006	<u>Hồng</u>	1	6,5	sáu, năm	C26LG2	
13	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	Thi	06/11/2006	<u>Diễm</u>	1	7	bảy	C26TM1	
14	2410160034	Nguyễn Hoàng	Thông	01/02/2006	<u>Hoàng</u>	1	6,5	sáu, năm	C26TM2	
15	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006	<u>Thiên</u>	1	8,5	tám, năm	C26LG1	
16	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	<u>Anh</u>	1	9	chín	C26LG1	
17	2410160030	Lê Anh	Thư	19/08/2006	<u>Anh</u>	1	5,5	năm, năm	C26TM2	
18	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều	Trinh	13/11/2006	<u>Kiều</u>	1	8	tám	C26TM2	
19	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh	Trúc	25/12/2006	<u>Thanh</u>	1	5,5	năm, năm	C26LG2	
20	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	<u>Thanh</u>	1	9	chín	C26LG1	
21	2410150010	Nguyễn Đăng	Trường	12/10/2003	<u>Đăng</u>	1	7	bảy	C26LG1	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	<u>Mỹ</u>	1	7	bảy	C26LG1	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	<u>Phương</u>	1	5	năm	C26LG1	
24	2410170040	Nguyễn Khánh	Vi	18/12/2004	<u>Khánh</u>	1	7	bảy	C26LG2	
25	2410160018	Nguyễn Thị Kiều	Vi	20/08/2006	<u>Kiều</u>	1	9	chín	C26LG2	
26	2410160014	Trương Thảo	Vy	26/04/2006	<u>Thảo</u>	1	6,5	sáu, năm	C26TM1	
27	2410160025	Nguyễn Trần Hải	Yến	25/02/2006	<u>Hải</u>	1	7,5	bảy, năm	C26TM1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
28	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 27+1 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 27+1 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày...11...tháng...11...năm...2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày...11...tháng...11...năm...2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Huỳnh Ng. Hoàng hinh.

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BÀI